

BỘ NGOẠI THƯƠNG

Số: 20/BNgT-XNK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 1986

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN THI HÀNH BẢN QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ QUYỀN TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 76-HĐBT NGÀY 26-6-1986

Thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Ngoại thương hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

Phần thứ nhất:

ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KINH TẾ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Ngoài những chính sách và biện pháp kinh tế đã được quy định tại Quyết định số 177-HĐBT ngày 15-6-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách, biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường quản lý xuất nhập khẩu, Bộ Ngoại thương hướng dẫn thêm các điểm dưới đây:

- Cung ứng vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.
 - Các cơ sở được giao chỉ tiêu pháp lệnh sản xuất hàng xuất khẩu hoặc sản xuất nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu đều được Nhà nước cân đối vật tư, nguyên liệu theo định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh; các cơ sở do địa

phương quản lý (kể cả cá thể) nếu thiếu lương thực để tiêu dùng trực tiếp đều được cung ứng lương thực theo quy định.

b) Nhà nước thực hiện chế độ ưu tiên cung ứng vật tư nguyên liệu cho các cơ sở nói trên; trong điều kiện vật tư nguyên liệu chưa đủ để đáp ứng mọi yêu cầu thì trước tiên bảo đảm cho nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu.

Hàng năm, theo đề nghị của Bộ Ngoại thương, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập và công bố danh mục các sản phẩm xuất khẩu, các đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu được ưu tiên cung ứng vật tư nguyên liệu.

Nếu vật tư nguyên liệu thiếu đến mức không đủ để thực hiện chế độ ưu tiên cung ứng nói trên, cơ sở và ngành cung ứng vật tư phải kịp thời thông qua Ủy ban Kế hoạch Nhà nước báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết.

c) Với số vật tư, nguyên liệu được cung ứng, cơ sở sản xuất phải ưu tiên bố trí sản xuất hàng xuất khẩu và nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.

Để khuyến khích đẩy mạnh sản xuất trong nước và tiết kiệm ngoại tệ nhập khẩu, Nhà nước khuyến khích các cơ sở kinh tế sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.

Được coi là sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu khi sản phẩm đó được cơ quan tiêu thụ chấp nhận và sử dụng thay thế hàng nhập khẩu (hàng thực sự đã phải nhập khẩu theo chỉ tiêu pháp lệnh trước đó).

Việc sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu phải được đăng ký và tổng hợp trong kế hoạch sản phẩm của ngành. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp cân đối các kế hoạch, xác nhận sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, phân phối với Bộ Ngoại thương quyết định thưởng quyền sử dụng ngoại tệ cho cơ sở.

Mức thưởng quyền sử dụng ngoại tệ là 10% số ngoại tệ tiết kiệm được (hiệu số giữa số ngoại tệ đáng lẽ phải chi để nhập khẩu với số ngoại tệ chi để sản xuất sản phẩm thay thế nếu có); thời gian thưởng quyền sử dụng ngoại tệ là 2 năm kể từ khi có sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, tính theo số sản phẩm được sử dụng để thay thế.

Cơ sở sản xuất được thường chỉ sử dụng ngoại tệ để đầu tư bổ sung vật tư, nguyên liệu cho sản xuất.

3. Quyền tiếp cận thị trường thế giới.

Nhu cầu tiếp cận thị trường thế giới để tiếp thu kỹ thuật, phương pháp sản xuất tiên tiến, nắm bắt nhu cầu, thị hiếu... là thực sự cần thiết đối với mọi cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Việc tiếp cận thị trường thế giới có thể thực hiện gián tiếp thông qua hoạt động của các đơn vị xuất nhập khẩu, đồng thời có thể là hoạt động trực tiếp của cơ sở sản xuất trong tổ chức phối hợp với các đơn vị xuất nhập khẩu, trước hết và chủ yếu đối với các cơ sở chuyên sản xuất để xuất khẩu, cơ sở có khối lượng hàng xuất khẩu quan trọng, sản xuất hàng xuất khẩu đòi hỏi quy cách phẩm chất phức tạp.

Việc tiếp cận thị trường thế giới được thực hiện bằng các hoạt động:

- Cử người và gửi hàng tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế.
- Tham gia giao dịch ký các hợp đồng xuất khẩu hàng hoá (ở trong nước và ở nước ngoài).
- Đi khảo sát thị trường ngoài nước.

Mọi chi phí cho việc tiếp cận thị trường do cơ sở sản xuất chịu và hạch toán vào giá thành theo định mức được duyệt.

Chi phí bằng ngoại tệ do đơn vị xuất nhập khẩu sản phẩm của cơ sở sản xuất dự trù và được duyệt chung trong định mức ngoại tệ được chi cho mọi việc đi công tác ở nước ngoài; chi phí này được dành một tỷ lệ thích đáng để chi cho các cơ sở sản xuất tiếp cận thị trường thế giới; khi được sử dụng, cơ sở sản xuất chỉ phải chi đồng Việt Nam để mua ngoại tệ sử dụng theo tỷ giá và các chế độ có liên quan khác của Nhà nước.

4. Quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Cơ sở sản xuất là xí nghiệp và liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh Trung ương có đủ các điều kiện dưới đây được quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu:

- a) Có sản phẩm xuất khẩu đạt trị giá 15 triệu rúp/đôla Mỹ (giá xuất khẩu FOB) trở lên hàng năm, mức này sẽ áp dụng có phân biệt đối với các cơ sở chuyên sản xuất

hàng xuất khẩu, sản xuất và gia công bằng nguyên liệu nhập khẩu hay chủ yếu bằng vật tư, nguyên liệu trong nước.

b) Có điều kiện và khả năng sản xuất hàng xuất khẩu tương đối ổn định.

c) Có đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ đảm nhiệm công tác ngoại thương.

Trường hợp cơ sở sản xuất là thành viên của liên hiệp các xí nghiệp đã có tổ chức để trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu rồi thì cơ sở không được trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu nữa.

Bộ Ngoại thương căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ quản ra quyết định cho phép cơ sở sản xuất được trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu; cơ quan chủ quản ra quyết định thành lập tổ chức xuất nhập khẩu có tư cách pháp nhân trực thuộc cơ sở sản xuất, tổ chức này phải có điều kiện hoạt động được Bộ Ngoại thương thừa nhận và đăng ký điều lệ đó tại Bộ Ngoại thương.

Phần thứ hai:

ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KINH TẾ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

I- VỀ KẾ HOẠCH HOÁ

1. Giao kế hoạch.

a) Cơ quan chủ quản (Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương) là cơ quan giao kế hoạch cho đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc; tùy theo tầm quan trọng từng thời kỳ của việc thực hiện một số chỉ tiêu xuất khẩu và nhập khẩu, Hội đồng Bộ trưởng có thể giao thẳng kế hoạch xuất nhập khẩu cho một vài đơn vị xuất nhập khẩu trung ương.

Chỉ có cơ quan giao kế hoạch mới có quyền điều chỉnh kế hoạch.

b) Mỗi đơn vị xuất nhập khẩu đều được giao hai loại chỉ tiêu kế hoạch:

- Chỉ tiêu pháp lệnh là chỉ tiêu bắt buộc đơn vị phải hoàn thành trên cơ sở được cấp trên cân đối các điều kiện vật chất để thực hiện chỉ tiêu đó.
- Chỉ tiêu hướng dẫn là các định mức để bảo đảm chất lượng trong kinh doanh, bảo đảm tương quan với các cơ sở kinh tế khác. Chỉ tiêu hướng dẫn cũng bao gồm một số chỉ tiêu kinh doanh khác.

c) Tùy theo tính chất, đặc điểm kinh doanh, mỗi đơn vị xuất nhập khẩu được giao từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; ghi bằng 2 loại ngoại tệ theo khu vực thị trường:

Đồng Rúp đối với thị trường xã hội chủ nghĩa, trong đó ghi cụ thể với thị trường Liên Xô.

Đồng đôla Mỹ đối với thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa trong đó ghi cụ thể kim ngạch với thị trường phải thực hiện cam kết của Chính phủ.

- Số lượng, khối lượng hoặc giá trị mặt hàng, nhóm hàng, công trình chủ yếu xuất khẩu và nhập khẩu; ghi rõ từng khu vực thị trường là thị trường Liên Xô, từng thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa có cam kết của Chính phủ.

- Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản khác đối với ngân sách).

2. Cân đối bảo đảm thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh.

a) Đối với chỉ tiêu pháp lệnh xuất khẩu.

Nhà nước giao chỉ tiêu cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở Trung ương và ở địa phương giao nộp sản phẩm cho đơn vị xuất nhập khẩu để xuất khẩu.

Trường hợp hàng xuất khẩu do đơn vị xuất nhập khẩu tổ chức sản xuất gia công thì Nhà nước giao chỉ tiêu vật tư, nguyên liệu hoặc ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu cho đơn vị xuất nhập khẩu.

b) Đối với chỉ tiêu pháp lệnh nhập khẩu.

Để tránh nhập khẩu lãng phí, nâng cao trách nhiệm kinh tế của cơ sở trong việc sử dụng hàng nhập khẩu, khắc phục tình trạng công nợ dây dưa giữa đơn vị chủ hàng nhập khẩu với đơn vị xuất nhập khẩu, sẽ chuyển sang chế độ uỷ thác nhập khẩu giữa đơn vị chủ hàng trong nước với đơn vị xuất nhập khẩu; theo chế độ này Nhà nước cấp ngoại tệ (hoặc phân chia kim ngạch bằng đồng Rúp) cho đơn vị chủ hàng nhập trong nước để đơn vị này uỷ thác cho đơn vị xuất nhập khẩu mua hàng, đơn vị xuất nhập khẩu được hưởng phí và hoa hồng theo quy định.

Trong khi chưa thực hiện được chế độ uỷ thác nói trên, Nhà nước cấp ngoại tệ tư bản (cả tiền hàng, cước vận tải và phí bảo hiểm) để nhập khẩu hàng hoá từ thị